

**CÔNG TY TNHH VỆ SINH NAM DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VỆ SINH NAM DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM DUONG HYGIENE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109482256

**3. Ngày thành lập:** 04/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6 Ngõ 25/102 Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0824937412

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649     |
| 2.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690     |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752     |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                             | 4759     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7820        |
| 6.  | Vệ sinh chung nhà cửa<br>Chi tiết:<br>- Các hoạt động vệ sinh nói chung (không chuyên dụng) cho tất cả các loại công trình, như:<br>+ Văn phòng,<br>+ Căn hộ hoặc nhà riêng,<br>+ Nhà máy,<br>+ Cửa hàng,<br>+ Các cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác                                                                                              | 8121(Chính) |
| 7.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác;<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; | 8129        |
| 8.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8130        |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8110        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410        |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4221        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4223        |
| 14. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4229        |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312        |
| 16. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3320        |
| 17. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3811        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321        |
| 19. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3821        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322        |
| 21. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329        |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330        |
| 23. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc<br>- Hoạt động đo đạc và bản đồ<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác                                                                                                                           | 7110 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ TÙNG DƯƠNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/05/1998*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *038098008759*

Ngày cấp: *30/10/2020*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Phú Hưng, Xã Thiệu Long, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 6 Ngõ 25/102 Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội